TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03 – 8 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Phong

2. Bà Lê Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà:Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2023/TL.ST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị C

Địa chỉ: Ấp TH, xã TLA, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Minh T

Địa chỉ: Ấp TH, xã TLA, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị C trình bày: Bà và ông Trần Minh T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2004. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và không thể kéo dài được nữa. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Nhựt L (nam), sinh ngày 01/7/2003 và Trần Thị Như Y (nữ) sinh ngày 26/10/2013. Sau khi ly hôn bà yêu cầu giao con chung cho ông T nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà sẽ tự thỏa thuận với ông T, không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn là ông Trần Minh T trình bày như sau: Ông và bà Huỳnh Thị C quen biết, sau đó tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn năm 2004. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, đến nay năm 2021, bà C có người khác và bỏ nhà ra đi đến nay gần 03 năm không có liên lạc với ông. Đối với yêu cầu ly hôn của bà C, ông đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Nhựt L (nam) sinh ngày 01/7/2003, Trần Thị Như Y (nữ) sinh ngày 26/10/2013. Từ khi ly thân thì cháu L và Y do ông trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay cháu Trần Nhựt L (nam) sinh ngày 01/7/2003 đã trưởng thành, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền nuôi dưỡng. Đối với cháu Trần Thị Như Y (nữ) sinh ngày 26/10/2013 khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y, ông không yêu cầu bà Huỳnh Thị C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Bà C và ông T vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị C đối với ông Trần Minh T; Về con chung: Giao cháu Trần Thị Như Y (nữ) sinh ngày 26/10/2013 cho ông Trần Minh T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông T không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung nên bà C chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Huỳnh Thị C và ông Trần Minh T do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T. Ông T có địa chỉ cư trú ở ấp Trường Hòa, xã Trường Long A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 giải quyết vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà C và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình hợp nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà C yêu cầu được ly hôn, ông T cũng đồng ý ly hôn. Từ đó thấy rằng, mâu thuẫn giữa bà C và ông T đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nữa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà C đối với ông T.

[3.2] Về con chung: Có 02 con chung là Trần Nhựt L(nam) sinh ngày 01/7/2003, Trần Thị Như Y (nữ) sinh ngày 26/10/2013. Từ khi ly thân thì cháu Linh và Ý do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay cháu Trần Nhựt L(nam) sinh ngày 01/7/2003 đã trưởng thành, khỏe mạnh nên giải quyết quyền nuôi dưỡng. Đối với cháu Trần Thị Như Y (nữ) sinh ngày 26/10/2013 khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y, ông không yêu cầu bà Huỳnh Thị C cấp dưỡng nuôi cong chung. Bà C đồng ý giao con cho ông T nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của ông T.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C khai không có nợ chung, có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T khai không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[4] Về án phí: Bà Huỳnh Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 267, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị C đối với ông Trần Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Huỳnh Thị C được ly hôn với ông Trần Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Như Y (nữ) sinh ngày 26/10/2013 cho ông Trần Minh T nuôi dưỡng cho đến khi cháu Như Y đủ 18 tuổi. Ông T không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung nên bà C chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị C phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai số 0012361 ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn là bà Huỳnh Thị C và ông Trần Minh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Trường Long A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Chúc Linh